TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/DS-ST
Ngày: 26-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Láth;

Ông Thạch Dương Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989. Là chủ hộ kinh doanh Thành Long. Địa chỉ: A lộ T, khóm W, phường V, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Huỳnh T1, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch Ư, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Sơn Thị Sà Q, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2025 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Từ khoảng năm 2017, Hộ kinh doanh ông T mua bán thức ăn thủy sản mang thương hiệu V và các nhãn hiệu khác cùng với các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q. Theo thỏa thuận hàng hóa được nhân viên giao hàng bên ông T chở đến nhà ông Ư và bà Q hoặc ông Ư và bà Q đến kho hàng bên ông T để lấy hàng. Khi nhận hàng ông Ư và bà Q ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Sau mỗi vụ thu tôm ông Ư và ông Q phải thanh toán hết tiền hàng cho hộ kinh doanh ông T. Trường hợp nuôi thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, ông T đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Ư và bà Q. Sau khi nhận hàng ông Ư và bà Q đều ký nhận vào sổ theo dõi hàng hóa và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà bên ông T đã giao. Đến ngày 28/11/2019, ông T với ông Ư, bà Q đã ngừng mua bán với nhau. Căn cứ vào sổ mua bán hàng hóa, đến ngày 18/10/2024 ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q vẫn còn nợ bên ông T số tiền là 116.064.000 đồng.

Nay, ông Lê Hoài T- chủ hộ kinh doanh Thành Long khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xem xét, giải quyết buộc ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q có trách nhiệm liên đới trả cho ông T – chủ hộ kinh doanh Thành Long số tiền nợ mua hàng hóa là 116.064.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q trả cho ông T một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Sơn Thị Sà Q trình bày:

Bà thống nhất hiện nay bà và chồng bà là ông Thạch Ư còn nợ ông Lê Hoài T - Chủ hộ kinh doanh Thành Long số tiền do mua thức ăn tôm còn thiếu 116.064.000 đồng là đúng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn chưa có khả năng trả 01 lần hết số nợ, bà xin trả dần hàng tháng.

- Đối với bị đơn ông Thạch Ư: Ông Thạch Ư vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản thể hiện ý cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thạch Ư đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông Ư vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Ư.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 116.064.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là "Bảng đối chiếu xác nhận công nợ" đề ngày 18/10/2024, tồn nợ cuối kỳ là 116.064.000 đồng khách hàng ông Thạch Ư đã ký và sổ ghi chép

việc mua hàng có chữ ký của ông Ư, bà Q. Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông Ư và bà Q còn nợ lại là 116.064.000 đồng và có chữ ký xác nhận của ông Ư, bà Q. Tại phiên tòa, bà Q cũng thống nhất bà và ông Ư còn nợ ông ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long số tiền 116.064.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh. Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, được pháp luật bảo vệ. Ông Lê Hoài T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn nuôi tôm cho bên mua là ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q. Ông Ư và bà Q đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Ư và bà Q chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông Ư và bà Q còn nợ của ông T số tiền là 116.064.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Lê Hoài T đại diện Hộ kinh doanh T2 yêu cầu ông Ư và bà Q trả số tiền nợ 116.064.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Hoài T đại diện Hộ kinh doanh T2 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ Hộ kinh doanh Thành Long.

2. Buộc bị đơn ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hoài T là chủ Hộ kinh doanh Thành Long số tiền nợ gốc là 116.064.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.902.000 đồng (Hai triệu, chín trăm linh hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001726 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông Thạch Ư và bà Sơn Thị Sà Q phải liên đới nộp án phí dân sự là 5.803.200 đồng (Năm triệu, tám trăm linh ba nghìn, hai trăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV8-CT;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND TPCT;
- Phòng THADS KV8-CT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến